

Số: 72/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Tuyên Quang (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng
Chính phủ Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách
nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng
Chính phủ Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự
toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian
thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025,
tỉnh Tuyên Quang;

Xét Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về dự thảo Nghị quyết Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương
năm 2025, tỉnh Tuyên Quang (đợt 2); Báo cáo thẩm tra số 256/BC-HĐND ngày 24 tháng
12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương
năm 2025, tỉnh Tuyên Quang (đợt 2) như sau:**

1. Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025 (đợt 2) từ
nguồn vốn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 102.934 triệu đồng.

2. Phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công (nguồn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước) năm 2025 (đợt 2): 102.934 triệu đồng, trong đó:

- Dự án đã phê duyệt quyết toán (08 dự án): 31.587,22 triệu đồng.
- Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán (01 dự án): 1.800 triệu đồng.
- Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025 (02 dự án): 13.000 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới năm 2025 (02 dự án): 19.864,78 triệu đồng.
- Đối ứng các dự án ODA (01 dự án): 6.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ cho huyện Chiêm Hóa thanh toán khối lượng hoàn thành dự án (01 dự án): 2.142 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia: 28.540 triệu đồng, bao gồm:
 - + Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2.509 triệu đồng;
 - + Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 26.031 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu số 01 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đối với số vốn đầu tư ngân sách địa phương năm 2025 chưa phân bổ chi tiết 308.810 triệu đồng: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ chi tiết tại kỳ họp tiếp theo đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 11 thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (G).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025, TỈNH TUYỀN QUANG (ĐỢT 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HDND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
							Tổng số	Trong đó: Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ						102.934,00	102.934,00		
I	DỰ ÁN ĐÃ QUYẾT TOÁN		613.816,38	613.816,38	575.198,17	541.608,24	31.587,22	31.587,22		
1	Cải tạo nâng cấp hồ Hoàng Tân, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyền Quang	2014	10.345,00	10.345,00	10.345,00	5.535,00	4.810,00	4.810,00	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Xử lý khẩn cấp đảm bảo an toàn đoạn đê thôn Hưng Thịnh, xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương	2020-2021	14.900,00	14.900,00	14.658,41	11.671,26	987,15	987,15	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	
3	Dự án Sửa chữa nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường ĐT.186 đoạn Km0+00 ÷ Km58+900, thuộc địa phận huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyền Quang	2019-2021	155.044,00	155.044,00	150.102,70	135.600,00	14.500,00	14.500,00	Sở Giao thông vận tải	
4	Xây dựng trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Tuyền Quang	2021-2023	18.356,21	18.356,21	18.071,80	18.000,00	71,80	71,80	Văn phòng UBND tỉnh	
5	Xây dựng nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Tuyền Quang	2020-2022	8.600,00	8.600,00	8.496,08	8.057,96	438,12	438,12	UBMT Tổ quốc tỉnh	
6	San nền; Hạ tầng kỹ thuật; Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường Đại học Tân Trào	2016-2020	80.000,00	80.000,00	78.808,60	76.212,80	2.595,80	2.595,80	Đại học Tân Trào	
7	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2016-2022	251.660,00	251.660,00	219.804,41	214.703,41	5.101,00	5.101,00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	
8	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (Vốn WB)	2017-2023	74.911,17	74.911,17	74.911,17	71.827,81	3.083,35	3.083,35	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
							Tổng số	Trong đó: Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	2021-2023	6.614,65	6.614,65	6.614,65	6.613,32	1,32	1,32		
-	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt thôn Coóc, thôn Đồng Trang và thôn Yềng xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2021-2023	2.595,20	2.595,20	2.595,20	2.592,10	3,10	3,10		
-	Cấp nước sinh hoạt thôn Quân, thôn Toạt và thôn Nà Trang xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2021-2023	3.092,94	3.092,94	3.092,94	3.081,15	11,78	11,78		
-	Cấp nước sinh hoạt xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương	2021-2023	5.698,74	5.698,74	5.698,74	5.672,47	26,26	26,26		
-	Cấp nước sinh hoạt xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương	2021-2023	19.424,33	19.424,33	19.424,33	18.067,96	1.356,37	1.356,37		
-	Cấp nước sinh hoạt xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	2021-2023	4.030,30	4.030,30	4.030,30	4.019,72	10,58	10,58		
-	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân An, xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	13.190,31	13.190,31	13.190,31	13.184,40	5,92	5,92		
-	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	2021-2023	6.191,23	6.191,23	6.191,23	6.183,84	7,39	7,39		
-	Cấp nước sinh hoạt xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	14.073,47	14.073,47	14.073,47	12.412,85	1.660,63	1.660,63		
II	DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA QUYẾT TOÁN		2.138.292,47	200.240,97		1.716.149,04	1.800,00	1.800,00		
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư tổ 3, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang	2009-2011	27.073,77			23.624,69	1.800,00	1.800,00	UBND huyện Na Hang	
III	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP HOÀN THÀNH NĂM 2025		138.432,43	138.432,43		98.677,54	13.000,00	13.000,00		
1	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh và thôn Tát Kê xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020	84.218,63	84.218,63		59.594,09	5.000,00	5.000,00	UBND huyện Na Hang	
2	Dự án di dân khẩn cấp tại xóm Dùm, phường Nông Tiến, Thành phố Tuyên Quang	2021-2024	54.213,80	54.213,80		39.083,46	8.000,00	8.000,00	UBND thành phố Tuyên Quang	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
							Tổng số	Trong đó: Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
IV	DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2025		192.896,35			153.028,00	19.864,78	19.864,78		
1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn do ADB tài trợ.	2023-2025	192.896,35			152.828,00	9.864,78	9.864,78	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025					200,00	10.000,00	10.000,00	Văn phòng Tỉnh ủy	
V	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA					2.000,00	6.000,00	6.000,00		
1	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc tỉnh Tuyên Quang					2.000,00	6.000,00	6.000,00	Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài	
VI	HỖ TRỢ CHO HUYỆN CHIÊM HÓA THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH DỰ ÁN		80.930,00	80.930,00	80.930,07	65.788,07	2.142,00	2.142,00		
-	Đường Đồng Luộc - Phúc Hương, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	2017-2021	80.930,00	80.930,00	80.930,07	65.788,07	2.142,00	2.142,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
VII	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA						28.540,00	28.540,00		
VII.1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						2.509,00	2.509,00		
1	Huyện Lâm Bình						948,00	948,00		
2	Huyện Na Hang						948,00	948,00		
3	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Tuyên Quang						525,00	525,00		
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội						88,00	88,00		
VII.2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						26.031,00	26.031,00		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
							Tổng số	Trong đó: Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
1	Huyện Lâm Bình						4.057,00	4.057,00		
2	Huyện Na Hang						9.052,00	9.052,00		
3	Huyện Chiêm Hóa						1.160,00	1.160,00		
4	Huyện Hàm Yên						320,00	320,00		
5	Huyện Yên Sơn						11.263,00	11.263,00		
6	Huyện Sơn Dương						179,00	179,00		